

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

EY

Building a better
working world

Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 41

Công ty Cổ phần Helio Energy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2024.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSDC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này là Ông Phan Thành Đạt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Helio Energy

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Người đại diện theo pháp luật cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Người đại diện theo pháp luật cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Theo ý kiến của Người đại diện theo pháp luật, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC - Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 3 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Người đại diện theo pháp luật


Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 13664222/E-68360680

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Helio Energy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") được lập ngày 3 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2024.



Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1

Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VÀ ĐẦY ĐỦ
Số chứng thực:..... Quyền số:.....SCT/BS

Ngày: 19-10-2026

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

Người thực hiện chứng thực



CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Thị Huyền

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		29.462.754.568	29.764.153.013
110	I. Tiền	4	14.224.667.716	3.357.152.990
111	1. Tiền		14.224.667.716	3.357.152.990
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.578.611.523	23.640.905.747
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	13.056.248.522	22.602.925.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.492.428.000	1.034.437.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		29.935.001	3.543.747
140	III. Hàng tồn kho		150.025.270	537.095.181
141	1. Hàng tồn kho		150.025.270	537.095.181
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		509.450.059	2.228.999.095
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	509.450.059	922.409.024
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.306.590.071
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		223.921.595.374	226.639.177.596
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		830.000.000	830.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	830.000.000	830.000.000
220	II. Tài sản cố định		36.544.174.872	40.710.756.156
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	36.544.174.872	40.710.756.156
222	Nguyên giá		53.073.074.935	53.073.074.935
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(16.528.900.063)	(12.362.318.779)
230	III. Bất động sản đầu tư	9	1.747.410.985	1.906.266.529
231	1. Nguyên giá		2.382.833.161	2.382.833.161
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(635.422.176)	(476.566.632)
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	10	183.929.800.801	182.606.106.154
251	1. Đầu tư vào công ty con		184.805.500.000	184.805.500.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(875.699.199)	(2.199.393.846)
260	V. Tài sản dài hạn khác		870.208.716	586.048.757
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	6	870.208.716	586.048.757
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		253.384.349.942	256.403.330.609

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		31.949.173.440	39.109.521.991
310	I. Nợ ngắn hạn		10.429.173.440	12.199.521.991
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	256.060.942	1.935.323.793
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.577.458.264	902.432.167
314	3. Phải trả người lao động		389.500.000	1.042.388.159
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	2.507.960.527	3.239.377.872
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		73.250.000	-
320	6. Vay ngắn hạn	15	5.390.000.000	5.080.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	14	234.943.707	-
330	II. Nợ dài hạn		21.520.000.000	26.910.000.000
338	1. Vay dài hạn	15	21.520.000.000	26.910.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		221.435.176.502	217.293.808.618
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	221.435.176.502	217.293.808.618
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.435.176.502	7.293.808.618
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		6.487.926.830	2.452.334.695
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		4.947.249.672	4.841.473.923
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		253.384.349.942	256.403.330.609



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Phan Thanh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	33.677.752.790	39.181.532.882
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	17	33.677.752.790	39.181.532.882
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	20.725.105.541	22.591.132.979
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		12.952.647.249	16.590.399.903
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		231.205.583	2.172.798
22	7. Chi phí tài chính	19	1.105.463.320	3.628.784.193
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.428.821.967	2.920.828.013
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	6.166.407.310	7.220.858.997
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		5.911.982.202	5.742.929.511
31	11. Thu nhập khác		134.063.099	855.467.001
32	12. Chi phí khác		14.879.959	910.078.318
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác [40 = 31 - 32]		119.183.140	(54.611.317)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		6.031.165.342	5.688.318.194
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	1.083.915.670	846.844.271
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		4.947.249.672	4.841.473.923



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		6.031.165.342	5.688.318.194
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư		4.325.436.828	4.307.395.829
03	(Hoàn nhập)/Trích lập các khoản dự phòng		(1.323.694.647)	707.444.180
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(230.372.009)	(2.172.798)
06	Chi phí lãi vay	19	2.428.821.967	2.920.828.013
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.231.357.481	13.621.813.418
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		10.368.884.295	(9.807.365.316)
10	Giảm hàng tồn kho		387.069.911	425.497.240
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(2.548.604.753)	1.387.554.593
12	Giảm chi phí trả trước		128.799.006	846.338.768
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.432.580.871)	(2.922.119.794)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(846.844.271)	(64.971.345)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(570.938.081)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		15.717.142.717	3.486.747.564
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(102.201.818)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		230.372.009	4.582.172.798
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		230.372.009	4.479.970.980

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
34	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền trả nợ gốc vay		(5.080.000.000)	(4.790.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(5.080.000.000)	(4.790.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		10.867.514.726	3.176.718.544
60	Tiền đầu năm		3.357.152.990	180.434.446
70	Tiền cuối năm	4	14.224.667.716	3.357.152.990

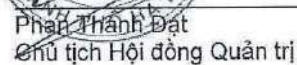


Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng




Phan Thanh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2024.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 40 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 40 người).

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 26 công ty con sở hữu trực tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2024: 26 công ty con). Hoạt động chính trong năm hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau:

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Apollo Power 2	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
5	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Minh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
6	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
7	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
8	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
9	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
10	Công ty TNHH KCP Energy	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
11	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
12	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
14	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
15	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Công ty Cổ phần Helio Energy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 26 công ty con sở hữu trực tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2024: 26 công ty con). Hoạt động chính trong năm hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
16	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	Thôn 6, Xã Cư Nị, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
17	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	Thôn 6, Xã Cư Nị, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
18	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
19	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
20	Công ty TNHH Solar Việt	100%	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
21	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	Thôn 2, Xã Cư Ê Wí, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
22	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	Thôn 2, Xã Cư Ê Wí, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
24	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
26	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 10. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC - Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
Tấm pin mặt trời	15 năm
Phương tiện truyền dẫn	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và các công ty điện lực và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Đơn giá bán bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Người đại diện theo pháp luật xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	222.611.000	289.556.000
Tiền gửi ngân hàng	14.002.056.716	3.067.596.990
TỔNG CỘNG	14.224.667.716	3.357.152.990

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	7.068.728.522	5.657.005.000
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	163.070.424	199.778.000
- Công ty Điện lực Bình Thuận	157.958.981	224.615.746
- Công ty Điện lực Bình Dương	159.738.091	173.140.274
- Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu	133.881.026	178.830.980
- Khác	6.454.080.000	4.880.640.000
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	5.987.520.000	16.945.920.000
TỔNG CỘNG	13.056.248.522	22.602.925.000

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	710.988.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Điện Huy Hoàng	252.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	129.440.000	404.500.000
Công ty TNHH Phú Gia Construction	400.000.000	629.937.000
TỔNG CỘNG	1.492.428.000	1.034.437.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	48.655.915	887.161.037
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	460.794.144	35.247.987
TỔNG CỘNG	509.450.059	922.409.024
Dài hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	848.419.492	567.717.168
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.789.224	18.331.589
TỔNG CỘNG	870.208.716	586.048.757

7. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản đặt cọc	830.000.000	830.000.000
TỔNG CỘNG	830.000.000	830.000.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu dài hạn từ các bên khác</i>	<i>830.000.000</i>	<i>400.000.000</i>
<i>Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 23)</i>	-	430.000.000

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện truyền dẫn	Tầm pin mặt trời	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND						
Nguyên giá:						
Số đầu năm	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935
Số cuối năm	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	45.998.004	4.930.909.898	16.026.269	1.653.219.573	5.716.165.035	12.362.318.779
- Khấu hao trong năm	15.271.800	1.644.641.364	34.067.268	574.184.472	1.898.416.380	4.166.581.284
Số cuối năm	61.269.804	6.575.551.262	50.093.537	2.227.404.045	7.614.581.415	16.528.900.063
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	183.079.036	13.667.817.702	86.175.549	4.013.603.009	22.760.080.860	40.710.756.156
Số cuối năm	167.807.236	12.023.176.338	52.108.281	3.439.418.537	20.861.664.480	36.544.174.872

Công ty đã sử dụng toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà (tầm pin năng lượng mặt trời, khung giá đỡ tấm pin và một số tài sản khác) với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 36,5 tỷ VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 là 40,6 tỷ VND) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Nhà cửa, vật kiến trúc

Nguyên giá:

Số đầu năm 2.382.833.161

Số cuối năm 2.382.833.161

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm 476.566.632

- Khấu hao trong năm 158.855.544

Số cuối năm 635.422.176

Giá trị còn lại:

Số đầu năm 1.906.266.529

Số cuối năm 1.747.410.985

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm hệ thống khung giàn nhà xưởng do Công ty sở hữu và vận hành cho thuê.

Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ mục đích xác định giá trị hợp lý.

Công ty đã sử dụng toàn bộ bất động sản đầu tư làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 15.

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Công ty TNHH Apollo Power 2	10.037.500.000	-	10.037.500.000	-	-
Công ty TNHH Apollo Power 4	10.095.000.000	(184.581.547)	10.095.000.000	(455.354.300)	-
Công ty TNHH Ampire Power 4	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-	-
Công ty TNHH Omega Power 3	10.100.000.000	(472.563.844)	10.100.000.000	(340.621.754)	-
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	10.023.000.000	-	10.023.000.000	-	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH KCP Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Solar Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	(41.127.831)	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	6.000.000.000	-	6.000.000.000	(114.915.603)	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	6.000.000.000	(113.691.902)	6.000.000.000	(641.891.664)	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	6.000.000.000	(104.861.906)	6.000.000.000	(605.482.694)	-
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	184.805.500.000	(875.699.199)	184.805.500.000	(2.199.393.846)	

Thông tin chi tiết về các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Amber Capital	168.687.750	168.687.750	769.781.575	769.781.575
Phải trả đối tượng khác	87.373.192	87.373.192	1.165.542.218	1.165.542.218
TỔNG CỘNG	256.060.942	256.060.942	1.935.323.793	1.935.323.793
Trong đó:				
Phải trả cho các bên khác	256.060.942	256.060.942	1.165.542.218	1.165.542.218
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 23)	-	-	769.781.575	769.781.575

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	364.438.238	-	364.438.238
Thuế thu nhập doanh nghiệp	846.844.271	1.083.915.670	846.844.271	1.083.915.670
Thuế thu nhập cá nhân	55.587.896	433.806.210	360.289.750	129.104.356
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
TỔNG CỘNG	902.432.167	1.888.160.118	1.213.134.021	1.577.458.264

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ quản lý và vận hành	1.943.292.449	2.327.375.132
Chi phí lãi vay	23.243.836	27.002.740
Các khoản trích trước khác	541.424.242	885.000.000
TỔNG CỘNG	2.507.960.527	3.239.377.872

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	805.881.788	-
Sử dụng trong năm	(570.938.081)	-
Số cuối năm	234.943.707	-

Công ty Cổ phần Helio Energy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính cùng ngày

15. VAY

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Phân loại lại theo lịch trả nợ		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn								
Vay dài hạn đến hạn trả	5.080.000.000	5.080.000.000	-	5.080.000.000	5.390.000.000	-	5.390.000.000	5.390.000.000
	5.080.000.000	5.080.000.000	-	5.080.000.000	5.390.000.000	-	5.390.000.000	5.390.000.000
Vay dài hạn								
Vay ngắn hạn và công ty tài chính	26.910.000.000	26.910.000.000	-	-	-	5.390.000.000	21.520.000.000	21.520.000.000
	26.910.000.000	26.910.000.000	-	-	-	5.390.000.000	21.520.000.000	21.520.000.000
	31.990.000.000	31.990.000.000	-	5.080.000.000	5.390.000.000	5.390.000.000	26.910.000.000	26.910.000.000
TỔNG CỘNG								

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Công ty như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	21.210.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 6 năm 2029.	7,8% - 8,0%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty; - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Hello Power – công ty mẹ của Công ty; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của các dự án điện mặt trời trên mái nhà và quyền khai thác, quản lý dự án đầu tư.
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	5.700.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 11 năm 2027.	8,88% - 9,15%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty.
TỔNG CỘNG	26.910.000.000			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	5.390.000.000			
Vay dài hạn	21.520.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số đầu năm	210.000.000.000	2.452.334.695	212.452.334.695
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	4.841.473.923	4.841.473.923
Số cuối năm	210.000.000.000	7.293.808.618	217.293.808.618
Năm sau			
Số đầu năm	210.000.000.000	7.293.808.618	217.293.808.618
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	4.947.249.672	4.947.249.672
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(805.881.788)	(805.881.788)
Số cuối năm	210.000.000.000	11.435.176.502	221.435.176.502

(*) Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

16.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng giá trị (VND)		Tổng giá trị (VND)	
	Cổ phiếu thường		Cổ phiếu thường	
Công ty Cổ phần Helio Power	145.560.000.000	14.556.000	145.560.000.000	14.556.000
Vốn góp của các cổ đông khác	64.440.000.000	6.444.000	64.440.000.000	6.444.000
TỔNG CỘNG	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Số cuối năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.4 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>Số cổ phần</i>	<i>Số cổ phần</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).		

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	33.677.752.790	39.181.532.882
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	23.764.045.720	29.452.405.600
Doanh thu bán điện	9.800.957.070	9.729.127.282
Doanh thu cho thuê	112.750.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	33.677.752.790	39.181.532.882
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	19.208.390.970	20.495.432.682
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	14.469.361.820	18.686.100.200

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	14.564.963.972	16.626.767.177
Giá vốn bán điện	5.969.172.836	5.964.365.802
Giá vốn cho thuê	190.968.733	-
TỔNG CỘNG	20.725.105.541	22.591.132.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.428.821.967	2.920.828.013
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính	(1.323.694.647)	707.444.180
Chi phí tài chính khác	336.000	512.000
TỔNG CỘNG	1.105.463.320	3.628.784.193

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.221.884.766	2.572.282.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.067.268	16.026.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.803.208.758	4.511.029.585
Chi phí khác	107.246.518	121.520.543
TỔNG CỘNG	6.166.407.310	7.220.858.997

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	9.087.323.392	10.843.084.427
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	4.325.436.828	4.157.080.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.889.414.594	14.448.747.657
Chi phí khác	201.776.038	373.975.299
TỔNG CỘNG	26.503.950.852	29.822.888.289

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.083.915.670	846.844.271
TỔNG CỘNG	1.083.915.670	846.844.271

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.031.165.342	5.688.318.194
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận		
Chi phí không được trừ	109.879.959	189.175.476
Chuyển lãi vay không được trừ các năm trước sang chi phí lãi vay được trừ trong năm	(721.466.951)	(972.038.952)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(671.233.362)
Lợi nhuận chịu thuế theo thuế suất 20%	5.419.578.350	4.234.221.356
Chi phí thuế TNDN	1.083.915.670	846.844.271

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Helio Power Ông Phan Thành Đạt	Công ty mẹ Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") từ ngày 15 tháng 4 năm 2024/Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc đến ngày 15 tháng 4 năm 2024 Chủ tịch HĐQT đến ngày 15 tháng 4 năm 2024 Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc/ Người đại diện quản lý vốn góp của công ty mẹ Thành viên độc lập HĐQT Tổng Giám đốc từ ngày 11 tháng 6 năm 2024 Kế toán trưởng đến ngày 11 tháng 6 năm 2024 Trưởng Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát Kế toán trưởng từ ngày 11 tháng 6 năm 2024 Cố thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 15 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Lan Ông Bùi Tuấn Dương	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Thanh Long Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Minh Đức Bà Nguyễn Thị Phương Bà Nguyễn Thị Thanh Hương Bà Lê Thị Trang Công ty Cổ phần Amber Capital	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024 Cố thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20 tháng 3 năm 2024 Cố thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20 tháng 3 năm 2024 Cố thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20 tháng 3 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Công ty con
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Công ty con
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Công ty con
Công ty TNHH Apollo Power 2	Công ty con
Công ty TNHH Apollo Power 4	Công ty con
Công ty TNHH Ampire Power 4	Công ty con
Công ty TNHH Omega Power 3	Công ty con
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Công ty con
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Công ty con
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Công ty con
Công ty TNHH KCP Energy	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Công ty con
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Công ty con
Công ty TNHH Two Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Công ty con
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Solar Việt	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Công ty con
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng>NNL Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 12 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm văn	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 8 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 13 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Bên liên quan khác đến ngày 20 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 20 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính bao gồm:
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Apollo Power 4	578.203.600	576.000.000
Công ty TNHH Omega Power 3	432.000.000	432.000.000
Công ty Cổ phần Helio Power	420.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH KCP Energy	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Solar Việt	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Ngọc Hà	Không còn là bên liên quan	291.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	146.422.000	144.000.000
Công ty TNHH Hello Bình Thuận	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 3	217.238.740	871.880.200
Công ty TNHH Alpha Solar 2	217.238.740	864.720.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	218.258.740	864.000.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Long Văn	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời NHY Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời NVP Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Sỹ Tiến	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Đầu Tư Quang Trung Solar Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	144.000.000	291.500.000
TỔNG CỘNG	14.469.361.820	18.686.100.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính bao gồm:
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Mua hàng và sử dụng hàng hóa		
Công ty Cổ phần Amber Capital	467.883.870	1.955.574.328
Công ty TNHH Alpha Solar 4	2.455.800	9.823.200
TỔNG CỘNG	470.339.670	1.965.397.528

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 1 tháng 1 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1) - Cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Apollo Power 4	311.040.000	469.440.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH Omega Power 3	233.280.000	352.080.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Solar Việt	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH KCP Energy	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	155.520.000	234.720.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1) - Cung cấp dịch vụ (tiếp theo)			
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	155.520.000	234.720.000	
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	155.520.000	234.720.000	
Công ty TNHH Duy Đình Solar	155.520.000	234.720.000	
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	155.520.000	234.720.000	
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	155.520.000	234.720.000	
Công ty TNHH Apollo Power 2	77.760.000	117.360.000	
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	77.760.000	117.360.000	
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Không còn là bên liên quan	466.560.000	
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	466.560.000	
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	466.560.000	
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000	
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000	
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000	
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000	
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000	
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000	
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000	
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Không còn là bên liên quan	313.920.000	
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000	
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Không còn là bên liên quan	313.920.000	
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000	
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Không còn là bên liên quan	313.920.000	
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000	
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000	
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Không còn là bên liên quan	313.920.000	
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000	
TỔNG CỘNG	5.987.520.000	16.945.920.000	
Phải thu khác (Thuyết minh số 7) – Đặt cọc thuê văn phòng			
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	430.000.000	
TỔNG CỘNG	-	430.000.000	
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11) – Mua dịch vụ			
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	769.781.575	
TỔNG CỘNG	-	769.781.575	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng Quản trị	257.500.000	300.000.000
Bà Nguyễn Thị Lan	35.000.000	120.000.000
Ông Phan Thành Đạt	102.500.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thanh Long	60.000.000	60.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	60.000.000	60.000.000
Lương, thưởng và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	1.740.285.998	1.913.859.267
Ông Phan Thành Đạt	223.789.739	790.286.503
Ông Bùi Tuấn Dương	615.129.900	576.238.697
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	629.605.667	547.334.067
Bà Lê Thị Trang	271.760.692	-
Thù lao Ban Kiểm soát	132.000.000	132.000.000
Ông Trần Minh Đức	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	36.000.000	36.000.000
TỔNG CỘNG	2.129.785.998	2.345.859.267

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- ▶ Bộ phận sản xuất điện;
- ▶ Bộ phận cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý;
- ▶ Bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê hoạt động và hoạt động nông nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật cũng xác định hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động sản xuất điện	Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Hoạt động khác	Đơn vị tính: VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	9.800.957.070	23.764.045.720	112.750.000	33.677.752.790
Tổng doanh thu	9.800.957.070	23.764.045.720	112.750.000	33.677.752.790
Kết quả				
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	3.831.784.234	9.199.081.748	(78.218.733)	12.952.647.249
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				(6.921.481.907)
Lợi nhuận thuần trước thuế				6.031.165.342
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(1.083.915.670)
Lợi nhuận thuần sau thuế				4.947.249.672
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ	4.500.805.593	-	158.855.544	4.659.661.137
Chỉ phí trả trước dài hạn				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận				
Tài sản không phân bổ (ii)	223.018.308.240	13.934.028.000	1.747.410.985	238.699.747.225
Tổng tài sản				14.684.602.717
Công nợ bộ phận				253.384.349.942
Công nợ không phân bổ (iii)	54.710.231	1.943.292.449	73.250.000	2.071.252.680
Tổng công nợ				29.877.920.760
				31.949.173.440

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)	Hoạt động sản xuất điện	Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Hoạt động khác	Đơn vị tính: VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Doanh thu				Tổng cộng
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	9.729.127.282	29.452.405.600	-	39.181.532.882
Tổng doanh thu	9.729.127.282	29.452.405.600	-	39.181.532.882
Kết quả				
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	3.764.761.480	12.825.638.423	-	16.590.399.903
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				(10.902.081.709)
Lợi nhuận thuần trước thuế				5.688.318.194
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(846.844.271)
Lợi nhuận thuần sau thuế				4.841.473.923
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.502.312.886	-	158.855.544	4.661.168.430
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 (*)				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	227.461.352.091	23.237.662.686	1.917.162.842	252.616.177.619
Tài sản không phân bổ (ii)				3.787.152.990
Tổng tài sản	459.747.958	3.015.865.132	13.122.000	256.403.330.609
Công nợ bộ phận				3.488.735.090
Công nợ không phân bổ (iii)				35.620.786.901
Tổng công nợ				39.109.521.991
Thu nhập khác và chi phí khác				

(i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác.

(ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, phải thu khác, chi phí trả trước, thuế GTGT được khấu trừ và đầu tư tài chính dài hạn.

(iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay không dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quỹ khen thưởng phúc lợi.

(*) Một số công nợ bộ phận, công nợ không phân bổ đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày số liệu cho năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất, thuê mái nhà, thuê văn phòng và thuê các thiết bị theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	3.094.383.427	3.134.318.012
Từ 1 – 5 năm	5.946.788.826	6.508.844.537
Trên 5 năm	8.907.925.582	9.404.824.997
TỔNG CỘNG	17.949.097.835	19.047.987.546

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	186.000.000	116.250.000
Từ 1 – 5 năm	480.500.000	736.250.000
TỔNG CỘNG	666.500.000	852.500.000

Cam kết liên quan đến việc mua cổ phần

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt chủ trương nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành với tỷ lệ chuyển nhượng cổ phần dự kiến tối đa là 60%. Nguồn sử dụng để chuyển nhượng cổ phần là nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và/hoặc nguồn khác. Công ty cam kết sử dụng toàn bộ tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày 21 tháng 1 năm 2025, Công ty đã nộp bổ sung hồ sơ về việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo văn bản số 01/2025/HIO-ĐKCB. Số lượng cổ phiếu phổ thông được đăng ký chào bán thêm là 21.000.000, tương đương với 100% tổng số cổ phiếu đang lưu hành. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty dự kiến chào bán qua hình thức chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tại ngày của báo cáo này, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Theo Phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng đã được thông qua theo Nghị quyết số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024; Nghị quyết số 14/2024/HIO/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Nghị quyết số 01/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 1 năm 2025, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 210.000.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần SD Trường Thành.



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

